TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29-01-2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Minh Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Cảnh

Bà Phạm Thị Thu Trang

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 123/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Phạm Thanh T, sinh năm: 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện G, tỉnh B (nay là xã L, tỉnh V).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Thùy G, sinh năm: 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã N, huyện G, tỉnh B (nay là xã L, tỉnh V).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn ông Ngô Phạm Thanh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị Thùy G quen biết, tìm hiểu, bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2001, có tổ chức đám cưới. Ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện G, tỉnh B (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh V) vào ngày 07 tháng 9 năm 2001. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cách sinh hoạt dẫn đến việc ông bà thường xuyên cự cãi; tình cảm vợ chồng không còn, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Ông đã nhiều lần khuyên can, chủ động hòa giải nhưng bà G vẫn không thay đổi nên vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2024 cho đến nay. Hiện tại, ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên ông có đơn khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với bà G.

- Về con chung: Ông và bà G có 02 người con chung tên Ngô Phạm Thanh O, sinh ngày 05/12/2001, hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được và Ngô Phạm Thanh N, sinh ngày 07/9/2008. Sau khi ly hôn, ông đồng ý giao con chung Thanh N cho bà G nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về về nợ chung: Trong thời gian chung sống, ông và bà G không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản về việc ghi nhận ý kiến của đương sự, bị đơn bà Lê Thị Thùy G trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông T kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện G, tỉnh B (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh V). Sau khi kết hôn, ông bà sinh sống tại ấp P, xã N, huyện G, tỉnh B (nay là xã L, tỉnh V). Vợ chồng chung sống đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T có tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng bất hòa, thường xuyên cự cãi và đã sống ly thân hơn một năm. Nay ông T khởi kiện, kiên quyết xin ly hôn thì bà không đồng ý vì muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

- Về con chung: Bà và ông T có 02 người con chung tên Ngô Phạm Thanh O, sinh ngày 05/12/2001, hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được và Ngô Phạm Thanh N, sinh ngày 07/9/2008. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Thanh N và không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Bà tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời gian chung sống, bà và ông T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự do không tham gia đầy đủ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, các phiên hòa giải.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Phạm Thanh T.

- Về hôn nhân: Ông T được ly hôn với bà G.

- Về con chung: Ông T và bà G có 02 người con chung tên Ngô Phạm Thanh O, sinh ngày 05/12/2001, hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được và Ngô Phạm Thanh N, sinh ngày 07/9/2008. Giao con chung là Thanh N cho bà G tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận bà G không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông T, bà G trình bày tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Ông T, bà G trình bày không có.

- Về án phí hôn nhân và gia đình: Ông T phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Ông Ngô Phạm Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long giải quyết ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con chung với bà Lê Thị Thùy G. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Tài xác định vụ án có quan hệ pháp luật "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án: Bà Lê Thị Thùy G là bị đơn có nơi cư trú tại ấp P, xã N, huyện G, tỉnh B (nay là xã L, tỉnh V) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 , sửa đổi, bổ sung năm 2025.

- Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn ông T, bà G vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà G.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

- Ông Ngô Phạm Thanh T và bà Lê Thị Thùy G tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện G, tỉnh B (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh V) vào ngày 07 tháng 9 năm 2001 nên quan hệ hôn nhân của ông T và bà G là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

- Trong quá trình chung sống, theo ông T trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm, dẫn đến thường xuyên cải vã. Ông và bà G không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2024 cho đến nay, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nữa. Ông T có yêu cầu được giải quyết cho được ly hôn với bà G.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long đã nhiều lần mời ông T và bà G đến Tòa án tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn nhưng ông T xác định không còn tình cảm với bà G, kiên quyết xin ly hôn; bà G đều vắng mặt.

Như vậy, trong quá trình chung sống, giữa ông T và bà G đã có phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã không còn yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tòa án nhiều lần mời ông T và bà G đến Tòa án tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn nhưng ông T xác định không còn tình cảm với bà G, kiên quyết xin ly hôn; bà G không đồng ý ly hôn nhưng đều vắng mặt, điều này thể hiện bà G đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân giữa bà và ông T. Mặt khác, ông T, bà G thừa nhận đã sống ly thân thời gian dài nhưng đến nay cũng không hàn gắn được. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định

ông T, bà G đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T, ông T được ly hôn với bà G.

[2.2] Về con chung:

- Ông T và bà G chung sống với nhau có 02 con là Ngô Phạm Thanh O, sinh ngày 05/12/2001, hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được và Ngô Phạm Thanh T, sinh ngày 07/9/2008. Bà T có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Thanh N nên Hội đồng xét xử xét thấy để cho con chung của ông bà được ổn định về tâm lý, việc học tập, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của con chung nên giao con chung của ông bà cho bà G được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về việc cấp dưỡng cho con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình thì bà G có quyền yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên bà G tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Ông T, bà G khai tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Ông T, bà G khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và ý kiến đề nghị về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông Ngô Phạm Thanh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ các điều 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Phạm Thanh T.

1. Về hôn nhân: Ông Ngô Phạm Thanh T được ly hôn với bà Lê Thị Thùy G.

2. Về con chung: Ông Ngô Phạm Thanh T và bà Lê Thị Thùy G có 02 người con chung tên Ngô Phạm Thanh O, sinh ngày 05/12/2001, hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được và Ngô Phạm Thanh N, sinh ngày 07/9/2008. Sau khi ly hôn, bà G là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Thanh N cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận bà G không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Ngô Phạm Thanh T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Ông T, bà G khai tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Ông T, bà G khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông Ngô Phạm Thanh T phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006727 ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Vĩnh Long;
- UBND xã Lương Hòa;
- Phòng THDS khu vực 7 – Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Thơ